

Bản án số: 86/2022/HS-PT

Ngày 30-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn M Tân và bà Phạm Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương là điểm cầu trung tâm và tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương là điểm cầu thành phần, xét xử phúc thẩm trực tuyến, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Phú M, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2022/HS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Phú M, sinh năm 1960 tại huyện C, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phú C và con bà Hoàng Thị H; có vợ là Nguyễn Thị V và 02 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1984; tiền án tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02-4-2021 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1965; trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Bình M1, sinh năm 1994; trú tại thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987;

2. Anh Nguyễn Phú A, sinh năm 1984;

3. Ông Hoàng Hữu Ch, sinh năm 1968;
4. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1958;
5. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1958;
6. Ông Hoàng Hữu Ch1, sinh năm 1960;
7. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953;
8. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1961;
9. Ông Hoàng Quý Th1, sinh năm 1957;

Đều cư trú tại: Thôn Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

10. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Bằng Quân, xã Định Sơn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

11. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Tân An, xã Định Sơn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;

Tại phiên tòa, có mặt anh A, ông Ch, bà Tr, bà M, ông Ch1, bà Đ, bà V, ông Th1, ông H. Vắng mặt chị Th, anh T1.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần:

1. Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký TAND nhân dân tỉnh Hải Dương
2. Bà Trần Thu Hiền - Kiểm tra viên chính VKSND tỉnh Hải Dương
3. Ông Lê Văn Tuấn - Chiến sỹ Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phụ M có con trai là anh Nguyễn Phụ L và con dâu là chị Nguyễn Thị Th. Chị Th là con gái bà Trịnh Thị T. Ngày 06-11-2020, anh L chết do tai nạn giao thông. Sáng ngày 18-11-2020, Công ty nơi anh L làm việc mời gia đình bà T sang nhà M để nhận tiền hỗ trợ. Tại đây M và gia đình bà T xảy ra việc cãi nhau, chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, chị Th quay về nhà chồng tìm một số đồ thì thấy túi quần áo của mình để ngoài cổng, cổng khóa chị Th không vào nhà được nên đã gọi điện nói chuyện với bà T. Khoảng 14 giờ cùng ngày, bà T cùng con gái là Nguyễn Thị Bình M1 có mặt tại cổng nhà M. Tại đây, mẹ con bà T có nhiều lời lẽ chửi bới, xúc phạm đến gia đình M. Lời khai của mẹ con bà T thể hiện: M mặc áo rộng sáng màu đi ra mở cổng, bước ra ngoài 1-2 bước rút dao bầu từ trong bụng ra chém vào mặt bà T làm bà T bị ngã ra đường máu chảy ròng ròng xuống đường. Bà T giơ tay lên đỡ thì M tiếp tục chém vào ngón tay trái, vào đầu, vào vai trái bà T. Tiếp đó, M

cầm dao chém vào mặt, vào vùng đầu và cẳng tay trái chị Bình M1 làm chảy máu nhiều. M vật lộn với chị Bình M1 và lôi chị Bình M1 vào trong sân; tiếp tục dùng dao đâm vào bụng chị 2 lần, vào khuỷu tay 1 lần. Sau đó anh A, chị Th và ông Nguyễn Văn H vào can ngăn thì hai bên không xảy ra xô xát. Lời khai của bị cáo M thể hiện: M cầm chìa khóa ra mở cổng để người lớn vào nói chuyện. Vừa kéo hai cánh cổng vào trong thì ba mẹ con bà T đẩy cổng xông vào; bà T cầm gạch xi măng (đầy đồng hồ nước) đập vào trán phải M, M bất ngờ bị đau và hoa mắt nên đứng chững lại giây lát rồi quay vào cửa bếp lấy con dao bầu han rỉ không có mũi ra mục đích dọa cho mọi người đi về. Khi trở ra đến sân thì thấy mẹ con bà T đã vào trong sân (cách cổng 2- 3m); chị Bình M1 cầm gạch đỏ đập vào sống mũi M; theo phản xạ M dơ dao khua chém chị Bình M1 1 nhát. Tiếp đó bà T cầm gạch bê tông đập vào môi M; theo phản xạ M dơ dao khua chém vào mặt bà T 01 nhát. Chị Bình M1 dùng gậy gỗ loại thang giường đánh tới tấp vào đầu và gáy M. M giăng được gậy gỗ và cầm dao khua lung tung thì ông H vào can, mọi việc dừng lại. Bà T và chị Bình M1 được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội từ ngày 18-11-2020 đến ngày 26-11-2020 ra viện. Nguyễn Phụ M bị thương ở trán phải đã đến trạm y tế xã Cẩm Vũ điều trị vết thương. Đồ vật quản lý tại hiện trường gồm: 01 gậy gỗ dài 1,12m (loại gậy thang giường), hình vuông có dính nhiều vết màu nâu đỏ nghi là máu; 01 con dao bầu han rỉ dài 27 cm (mũi tù), lưỡi dao bằng kim loại, chuôi bằng gỗ dài 11cm, dính nhiều vết đỏ nghi là máu; 01 miếng gạch xi măng màu xám, kích thước 12x5,5cm. Đồ vật thu trong bếp: 01 con dao phay màu đen, lưỡi dao hình chữ nhật, kích thước 20x10cm.

Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 15 giờ ngày 18-11-2020, thể hiện: hiện trường là khu vực trong sân gần vị trí cổng sắt có nhiều dấu vết máu dạng nhỏ giọt, vùng vết máu này kéo dài theo hướng từ cổng về khu vực công trình phụ và nhà ngang. Tại vị trí sân cách mép tường gạch của vườn đất trồng 30 cm, cách mép tường phía trong bếp cũ 1,2m là vị trí con dao nhọn (dạng dao bầu) lưỡi kim loại, chuôi bằng gỗ dính bám nhiều dấu vết nghi là máu. Tại vị trí hàng rào dây thép B40 quây xung quanh vườn cây gần cổng dựng 01 gậy dài 1,12 m, loại gậy thang giường, trên gậy có nhiều dấu vết màu đỏ nghi là máu. Hai bên cổng sắt không có dấu vết xây xát kim loại, dưới nền sân xung quanh cổng sắt không có gạch vỡ rơi vãi tại vị trí này. Tại vị trí bên trái cánh cổng sắt theo hướng nhìn từ trong cổng ra ngoài ngõ là hộp đồng hồ nước, bên trên có viên gạch xi măng. Khoảng cách từ cánh cổng sắt đến đầu ngõ ngoài đường to dài 18,5 m, không có vật gì che khuất.

Tại Kết luận giám định số 353a/TgT ngày 29-12-2020, Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, kết luận đối với thương tích của bà Trịnh Thị T: 05 sẹo vết thương phần mềm vùng đầu, mặt, mồm vai trái, ngón I,

II tay trái, kích thước trung bình và nhỏ. Các tổn thương trên có đặc điểm do vật sắc gây ra, bà T bị người khác dùng dao chém gây ra là phù hợp. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 11%.

Tại Kết luận giám định số 353b/TgT ngày 29-12-2020, Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, kết luận đối với thương tích của chị Nguyễn Thị Bình M1: 05 sẹo vết thương phần mềm vùng đầu, mặt, cổ tay trái, kích thước trung bình và nhỏ. Các tổn thương trên có đặc điểm do vật sắc nhọn gây ra, chị M bị người khác dùng dao gây ra là phù hợp. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 14%.

Tại Kết luận giám định số 52/TgT ngày 30-3-2021, Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương, kết luận đối với thương tích của Nguyễn Phụ M: Sẹo vết thương phần mềm vùng trán phải, kích thước nhỏ. Chấn thương phần mềm gây bầm tím, sưng tấy, xây xước vùng mắt phải, mũi, gáy, vai trái. Hiện không phát hiện dấu vết tổn thương, di chứng. Căn cứ Thông tư số 22 ngày 28-8-2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần thì không được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra với các tổn thương này (không phần trăm). Các tổn thương trên có đặc điểm do vật tày gây ra, ông M bị người khác dùng gạch, gây gây ra là phù hợp. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2022/HS-ST ngày 25/5/2022, Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phụ M phạm tội Cố ý gây thương tích; Xử phạt bị cáo Nguyễn Phụ M 05 năm tù, thời hạn tính từ ngày 02/4/2021. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật của các bị hại T, Bình M1. Bị cáo M phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T tổng số 22.433.021 đồng bao gồm các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của pháp luật (bị cáo đã thi hành xong). Bị cáo Nguyễn Phụ M phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Bình M1 tổng số 32.418.230 đồng bao gồm các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của pháp luật. Đối trừ số tiền chị Bình M1 đã nhận, bị cáo Nguyễn Phụ M phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp 9.851.251 đồng. Chị Nguyễn Thị Bình M1 được quyền nhận khoản tiền 10.000.000 đồng đang được gửi giữ tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/6/2022, bị cáo M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án, bao che cho người có hành vi phạm tội. Ngày 06/6/2022, bị hại T kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo M; đề nghị tăng mức bồi thường cho bị hại T và bị hại Bình M1; làm rõ vai trò của anh Nguyễn Phú An có hành vi giúp sức cho bị cáo M chém người và hành vi dùng dao chém bà T của anh A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Về hình phạt: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Phú M về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo M 05 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M và bị hại bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo M. Về trách nhiệm dân sự: Xét kháng cáo của bị hại T đề nghị tăng mức bồi thường cho bị hại T, cho bị hại Bình M1 và tại phiên tòa bị hại Bình M1 xuất trình 01 hóa đơn bán lẻ đề ngày 02/01/2022 của cơ sở thẩm mỹ tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và 01 phiếu thu đề ngày 04/6/2022 của cơ sở thẩm mỹ tại quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội với tổng số tiền là 23 triệu đồng, yêu cầu bị cáo M phải bồi thường số tiền này cho bị hại Bình M1. Xét thấy, việc bị hại Bình M1 không có đơn kháng cáo trong hạn luật định, bị hại T không có quyền kháng cáo thay bị hại Bình M1 nên không đặt ra việc xem xét yêu cầu kháng cáo của bị hại Bình M1. Cấp sơ thẩm không xem xét chấp nhận các khoản tiền chi phí cho bị hại T đối với chi phí theo xác nhận của Y sỹ Vũ Thị Th2 tiêm cho bà T từ ngày 27/11 đến ngày 04/12/2020 theo phần của bà T với số tiền 1.400.000 đồng và khoản tiền theo các hóa đơn chi phí cho thẩm mỹ công nghệ cao của bị hại T tại Bệnh viện Đà Nẵng với số tiền là 18.702.000 đồng là chưa đảm bảo quyền lợi cho bị hại T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sau khi trừ 30% lỗi của bị hại T, buộc bị cáo M phải bồi thường thêm cho bị hại T số tiền là 14.071.400 đồng. Về án phí: Bị cáo M được miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bà T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Bị hại T giữ nguyên các nội dung theo đơn kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phụ M, bị hại bà Trịnh Thị T trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà T kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại cho bị hại Bình M1. Về nội dung này, bà T không có quyền kháng cáo; chị Bình M1 không có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử không xem xét theo trình tự phúc thẩm yêu cầu tăng mức bồi thường tại bản án sơ thẩm và số tiền 23 triệu đồng (theo 02 phiếu thu) mà chị Bình M1 cung cấp tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo M tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo và những người làm chứng tại cấp sơ thẩm; phù hợp với các Kết luận giám định pháp y số 353a,b/TgT ngày 29-12-2020 của Phòng giám định pháp y Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương; phù hợp bản ảnh, Biên bản khám nghiệm hiện trường xác định vị trí xảy ra tại khu vực sân phía trong cổng sắt; phù hợp vật chứng thu được gậy gỗ, con dao bầu han rỉ, gập mũi và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn giữa hai gia đình thông gia từ trước nên khoảng 14 giờ ngày 18-11-2020, tại cổng gia đình M ở thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Bình M1 có hành vi chửi bới, xúc phạm và cầm gạch đập vào cổng nhà M; tại vị trí sân Nguyễn Phụ M có hành vi dùng dao bằng kim loại, dài 27 cm khua khoắng nhiều nhát vào vùng mặt, đầu đỉnh trán, vai trái, ngón tay trái bà T; vào vùng mặt, vùng đầu, cẳng tay trái chị Bình M1. Hậu quả bà T bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 11%; chị Bình M1 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 14%. Bị cáo dùng dao bằng kim loại là hung khí nguy hiểm, gây thương tích cho 02 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% trở lên. Hành vi này của bị cáo Nguyễn Phụ M đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý gây thương tích thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh bị cáo, bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phụ M và bị hại bà Trịnh Thị T về phần hình phạt đối với bị cáo M thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho 02 bị hại, tích cực tham gia ủng hộ quỹ phòng chống Covid-19 tại địa phương, bị hại là bà T và chị Bình M1 có 01 phần lỗi theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội đối với phụ nữ có thai*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân,

các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo M 05 năm tù là đã phù hợp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại T, cần giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo M.

[4] Xét kháng cáo của bị hại bà T đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại cho bà T:

Cấp sơ thẩm đã buộc bị cáo M phải bồi thường cho bị hại T theo đúng quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, gồm: Chi phí hợp lý cho việc khám và điều trị, tổng là 14.997.173 đồng; tiền xe đi lại khám chữa bệnh là 1.400.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất của bà T và người chăm sóc, tổng là 1.600.000 đồng; khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 7.450.000 đồng; tiền bồi dưỡng sức khỏe là 5.000.000 đồng. Tổng các khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho bà T là 32.047.173 đồng. Xét bà T có một phần lỗi được tính tỷ lệ 30% nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo M bồi thường cho bà T số tiền 22.433.021 đồng là có căn cứ, đúng quy định. Ngoài ra bà T còn yêu cầu những khoản tiền bồi thường không phù hợp, cấp sơ thẩm đã không chấp nhận những yêu cầu này của bà T là đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T; giữ nguyên mức bồi thường dân sự của bị cáo M đối với bà T như tại bản án sơ thẩm.

[5] Về nội dung kháng cáo của bị hại bà T đề nghị xem xét hành vi của anh Nguyễn Phú A:

Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà T khai anh Nguyễn Phú A đã có hành vi giúp sức, cùng bị cáo M dùng gậy, dao đánh, chém gây thương tích cho bà và các con bà; ngoài ra, anh A còn cầm dao phay, chém một nhát vào vị trí vai bên trái của bà. Chị Bình M1 khai anh A có hành vi ôm vào người chị từ phía sau, giữ tay phải của chị, khi đó bị cáo M cầm dao chém về phía chị và bị anh A dùng gậy đánh một nhát trúng vào má bên trái. Chị Th khai nhìn thấy anh A cầm con dao phay màu đen chém vào người bà T, không rõ chém vào vị trí nào. Tuy nhiên, chị Bình M1 và ông Nguyễn Văn H tại nhiều lời khai trong quá trình điều tra đều khai khi ông H đến can ngăn thì thấy anh A cầm con dao phay màu đen nhưng không chứng kiến anh A có cầm dao chém bà T hay không. Ngoài ra bà Nguyễn Thị Tr, bà Vũ Thị M, ông Hoàng Hữu Ch là những người làm chứng có mặt tại hiện trường lúc đó đều khai không chứng kiến anh A cầm dao chém bà T, cầm gậy đánh chị Th và chị Bình M1; ông Ch chỉ chứng kiến anh A chạy ra can ngăn. Ngoài lời khai của bà T, chị Th và chị Bình M1, không có căn cứ nào khác chứng minh anh A có hành vi gây thương tích cho mẹ con bà

T hay đồng phạm giúp sức cho bị cáo M gây thương tích cho bà T và chị Bình M1 nên cấp sơ thẩm không xem xét, xử lý hành vi của anh A là có căn cứ, đúng quy định. Do vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà T.

[6] Về nội dung bị cáo M kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án, bao che cho người có hành vi phạm tội:

Xét quá trình điều tra, bị cáo M khai khi vừa mở cổng thì bà T đẩy cổng vào và cầm gạch bê tông loại lắp đầy đồng hồ nước đập vào trán phải bị cáo. Mặc dù mẹ con bà T đều không thừa nhận nhưng lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của hai người làm chứng là bà Tr và ông Ch đều khẳng định nhìn thấy mẹ con bà T đẩy cổng vào và người phụ nữ trung tuổi cầm gạch đập vào trán bị cáo M. Bị cáo M bị thương tích 03% và đã có đơn yêu cầu xử lý đối với hành vi của bà T. Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung đối với hành vi của bà T cầm gạch bê tông loại lắp đầy đồng hồ nước, đập vào trán phải bị cáo M, gây thương tích 03% cho bị cáo. Xét hành vi của bà T có dấu hiệu của tội phạm, Cơ quan điều tra - Công an huyện Cẩm Giàng đã ra quyết định khởi tố vụ án theo quy định. Ngoài ra, bị cáo M cho rằng có việc đánh tráo vật chứng từ gạch xi măng đầy đồng hồ nước không có góc vuông sang gạch xi măng có góc vuông nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Do vậy, nội dung kiến nghị của bị cáo M là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phụ M không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm nhưng bị cáo thuộc hộ nghèo nên theo quy định được miễn tiền án phí phúc thẩm. Bị hại bà Trịnh Thị T theo quy định không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phụ M và kháng cáo của bị hại Trịnh Thị T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2022/HS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phụ M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phụ M 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự, xử: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Phụ M phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 22.433.021 đồng (bị cáo đã thi hành xong).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phụ M và bị hại bà Trịnh Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 30/8/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan CSĐT, HSNV, THAHS - Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Tuyết